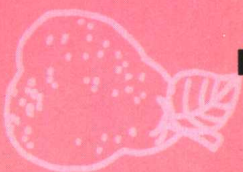
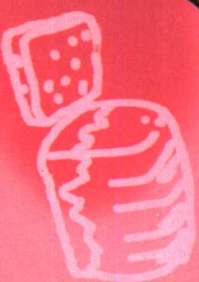
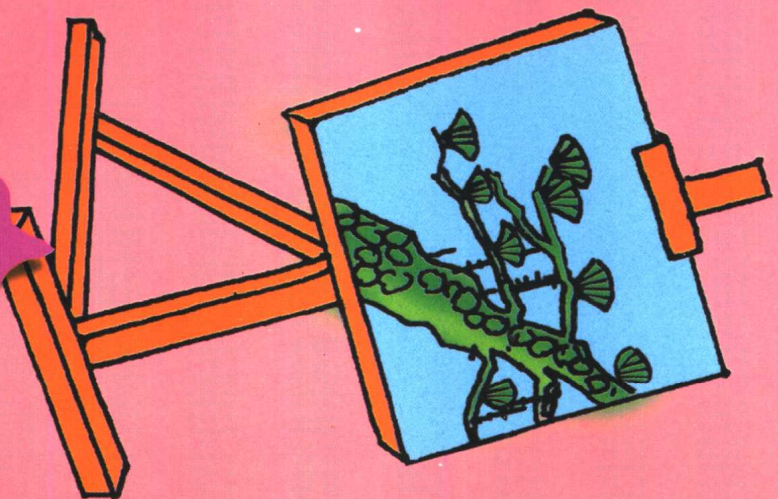


DUO GONG NENG ER TONG MIAO TU SHI ZI BEN

多功能儿童描图识字本

描图 涂色 识汉字

识拼音 识英文



植物食物



杭州出版社

DUO GONG NENG ER TONG MIAO TU SHI ZI BEN

多功能儿童描图识字本

编

陈晓炜

江苏工业学院图书馆
藏书章



杭州出版社

责任编辑：汤敏

封面设计：K·Y 工作室

多功能儿童描图识字本

陈晓炜 编

杭州出版社出版（杭州体育场路286号 电话 0571-5066612）

淳安千岛湖环球印务有限公司印刷

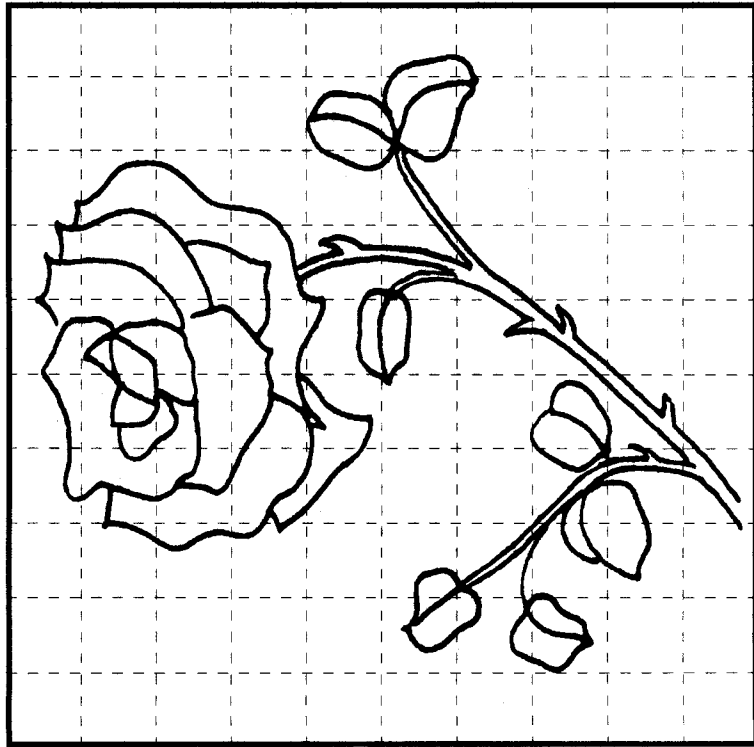
浙江省新华书店经销

开本 787×1092 1/16 全套印张 10.5 衬页全套 160

2001年5月第1版 2001年5月第1次印刷

ISBN 7-80633-285-5/G·176 全套定价：25.20元（每册：6.30元）

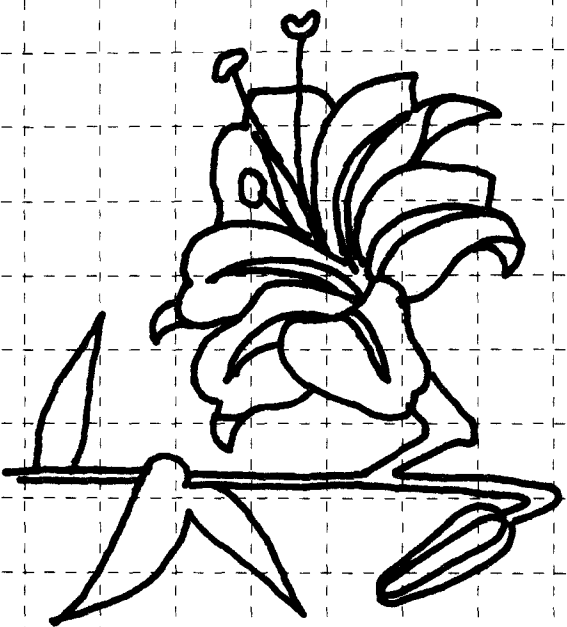
（如发现印装质量问题，影响阅读，请与印刷厂联系调换）



rose rose rose rose

rose rose rose rose

玫	瑰	méi	gui
玫	瑰	méi	gui
玫	瑰	méi	gui
玫	瑰	méi	gui
玫	瑰	méi	gui
玫	瑰	méi	gui
玫	瑰	méi	gui



lily lily lily lily

lily lily lily lily

百合 百合

bǎi hé

百合 百合

bǎi hé

百合 百合

bǎi hé

百合 百合

bǎi hé

百合 百合

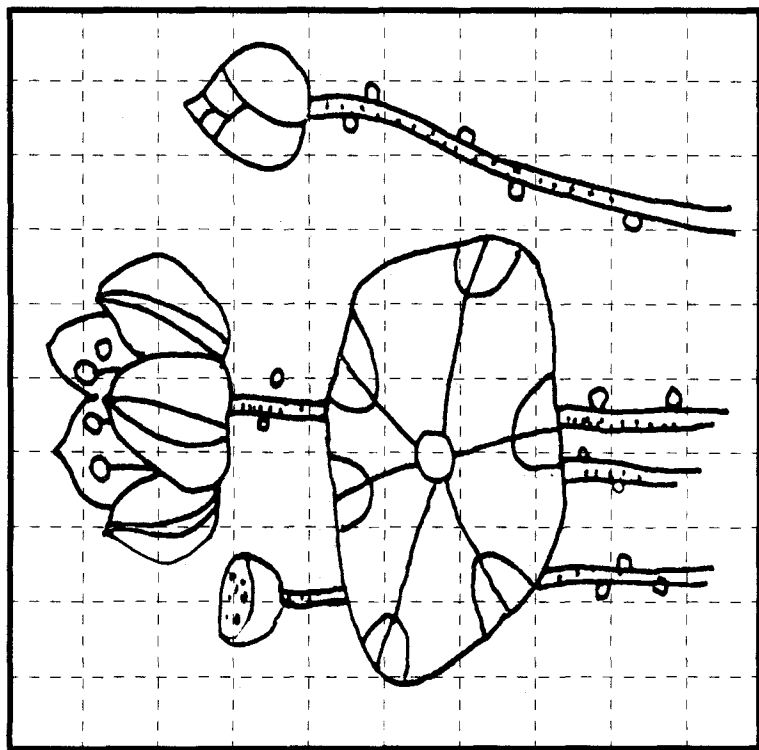
bǎi hé

百合 百合

bǎi hé

百合 百合

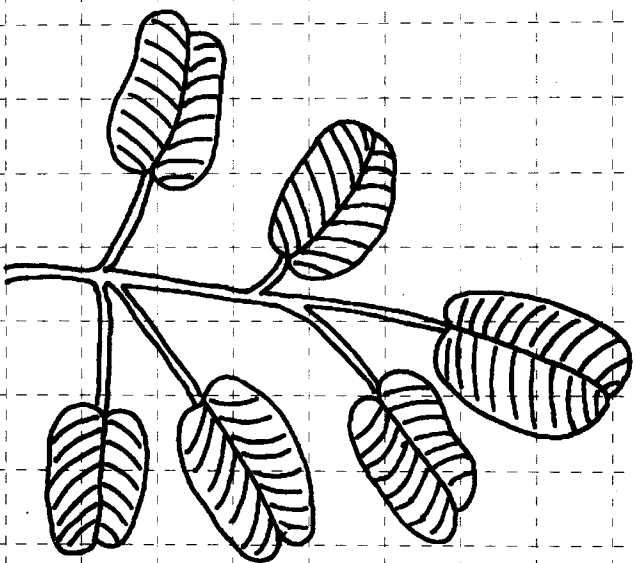
bǎi hé



lotus lotus lotus lotus

lotus lotus lotus lotus

荷	花	荷	花	hé	huā
荷	花	荷	花	hé	huā
荷	花	荷	花	hé	huā
荷	花	荷	花	hé	huā
荷	花	荷	花	hé	huā
荷	花	荷	花	hé	huā
荷	花	荷	花	hé	huā



leaf leaf leaf leaf leaf

leaf leaf leaf leaf leaf

叶 子 叶 子

yè zì

叶 子 叶 子

yè zì

叶 子 叶 子

yè zì

叶 子 叶 子

yè zì

叶 子 叶 子

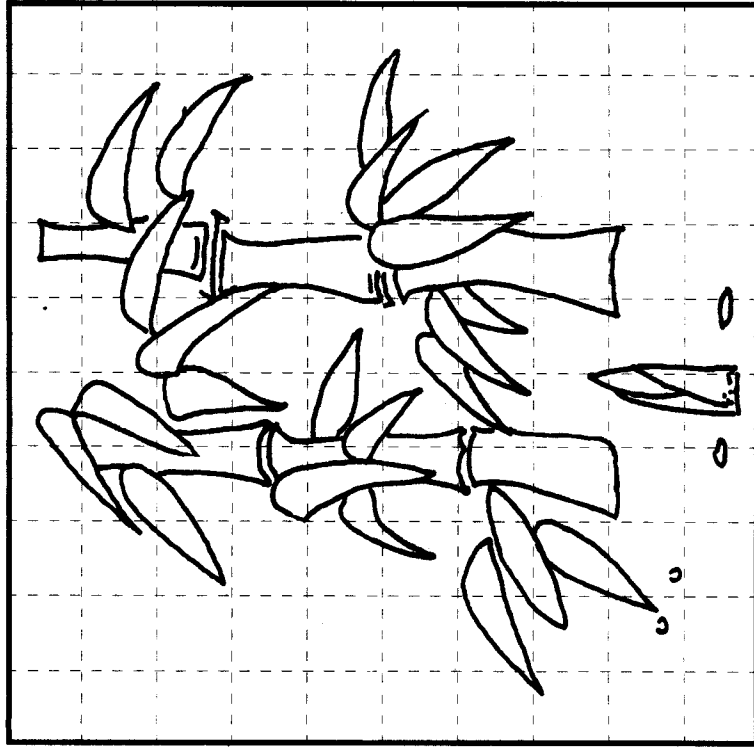
yè zì

叶 子 叶 子

yè zì

叶 子 叶 子

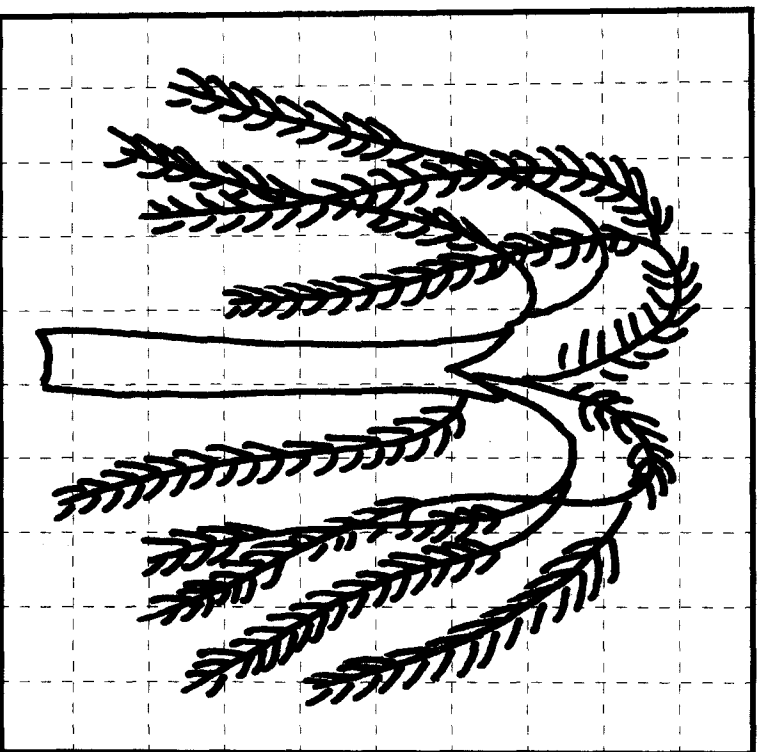
yè zì



bamboo bamboo bamboo

bamboo bamboo bamboo

竹	子	竹	子	zhú	zǐ
竹	子	竹	子	zhú	zǐ
竹	子	竹	子	zhú	zǐ
竹	子	竹	子	zhú	zǐ
竹	子	竹	子	zhú	zǐ
竹	子	竹	子	zhú	zǐ
竹	子	竹	子	zhú	zǐ



willow willow willow

willow willow willow

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

柳 树 柳 树 柳 树

liǔ shù

--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--

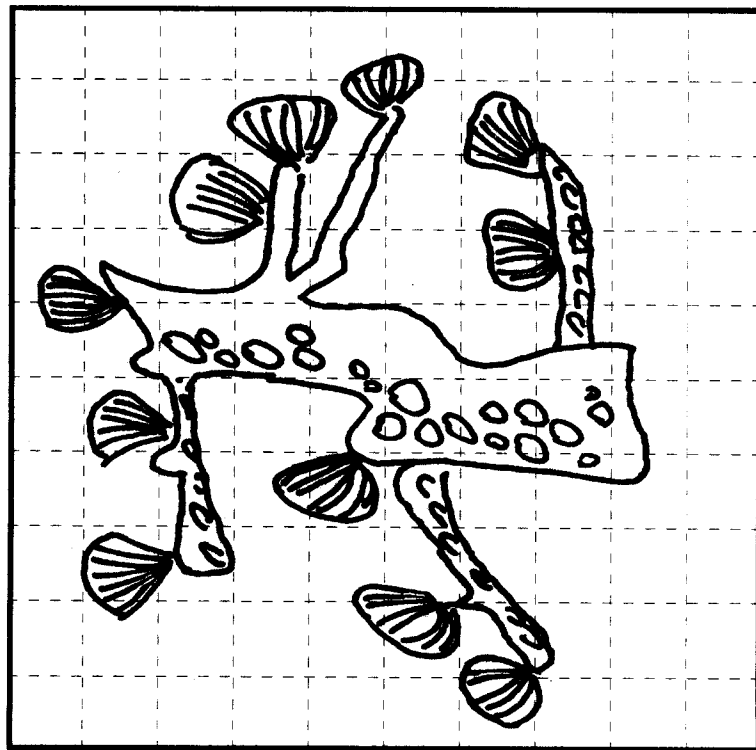
--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--

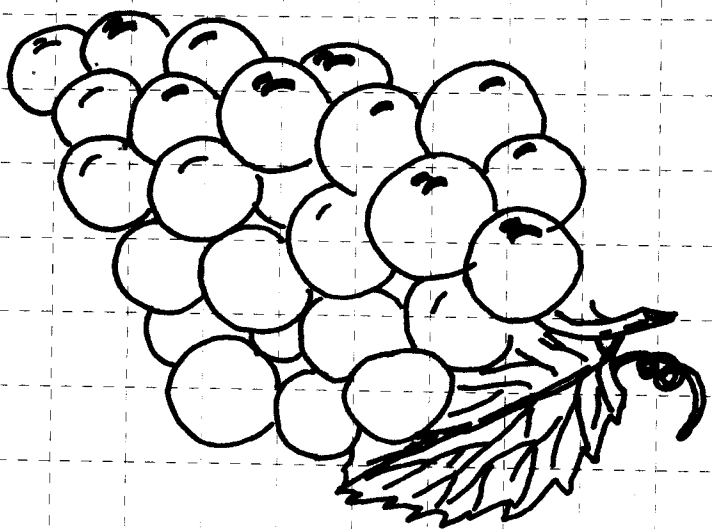




pine pine pine pine

pine pine pine pine

松	树	松	树	sōng	shù
松	树	松	树	sōng	shù
松	树	松	树	sōng	shù
松	树	松	树	sōng	shù
松	树	松	树	sōng	shù
松	树	松	树	sōng	shù
松	树	松	树	sōng	shù



grape grape grape grape

grape grape grape grape

葡 萄 葡 萄

pú táo

葡 萄 葡 萄

pú táo

葡 萄 葡 萄

pú táo

葡 萄 葡 萄

pú táo

葡 萄 葡 萄

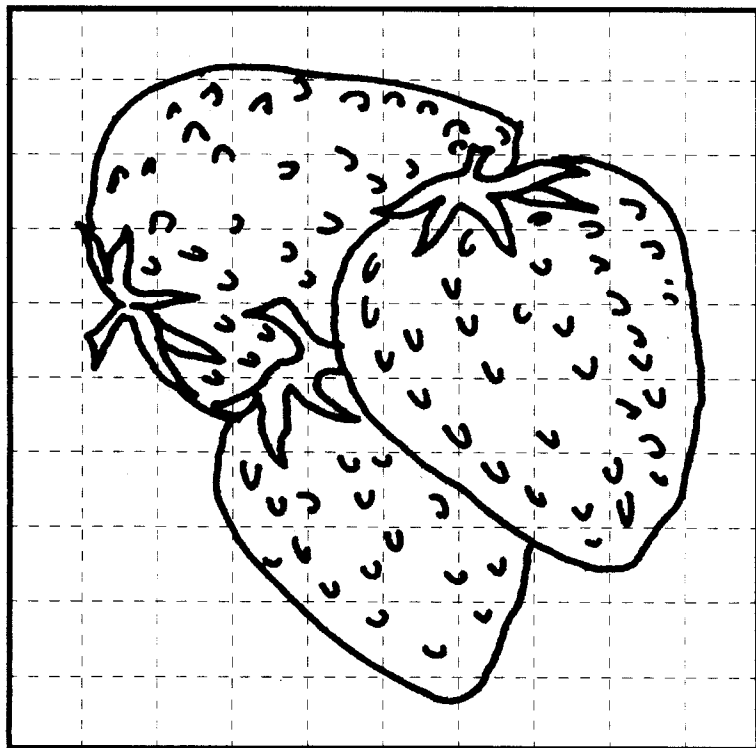
pú táo

葡 萄 葡 萄

pú táo

葡 萄 葡 萄

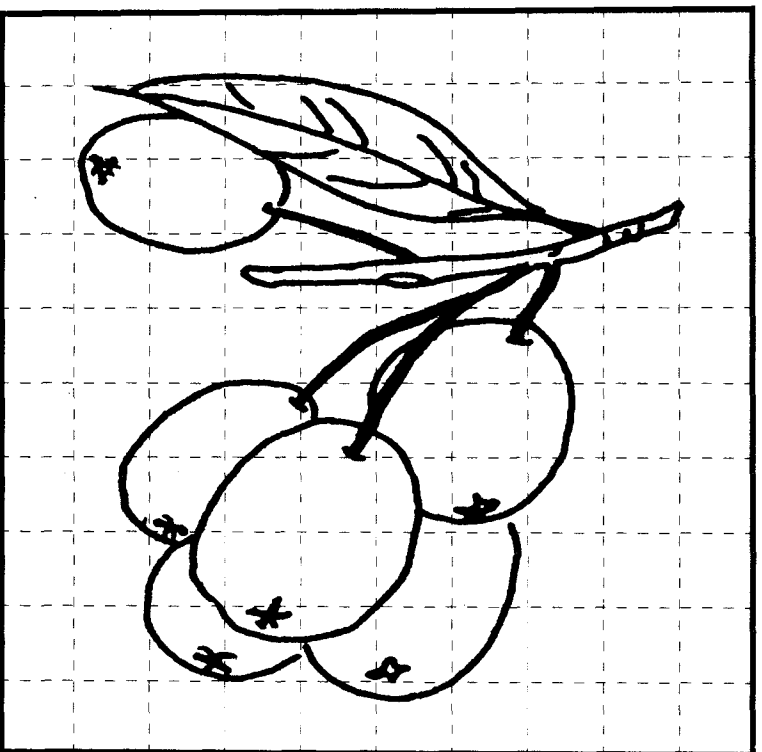
pú táo



strawberry strawberry

strawberry strawberry

草	莓	cǎo	méi
草	莓	cǎo	méi
草	莓	cǎo	méi
草	莓	cǎo	méi
草	莓	cǎo	méi
草	莓	cǎo	méi
草	莓	cǎo	méi



apricot apricot apricot

apricot apricot apricot

杏 杏 杏 杏

xìng xìng

杏 杏 杏 杏

xìng xìng

杏 杏 杏 杏

xìng xìng

杏 杏 杏 杏

xìng xìng

杏 杏 杏 杏

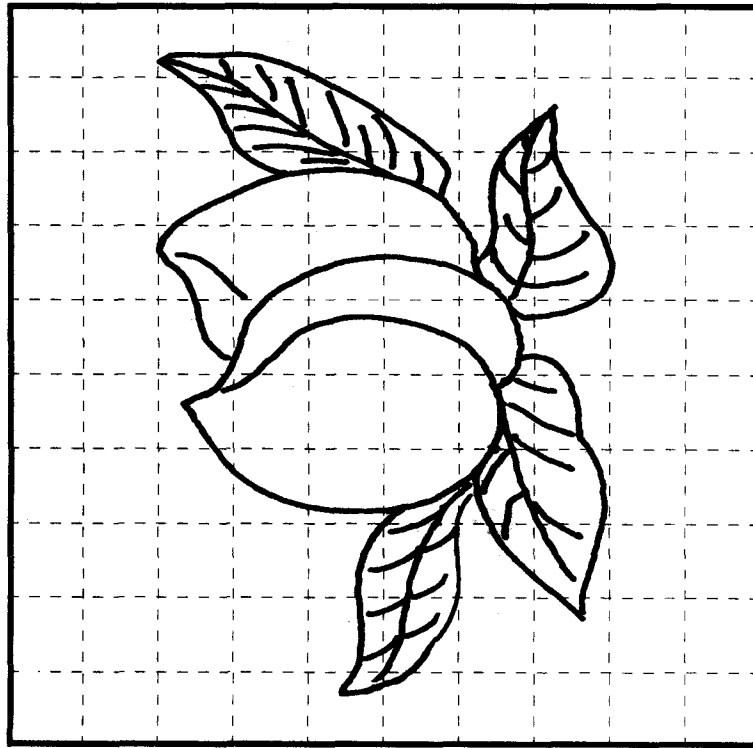
xìng xìng

杏 杏 杏 杏

xìng xìng

杏 杏 杏 杏

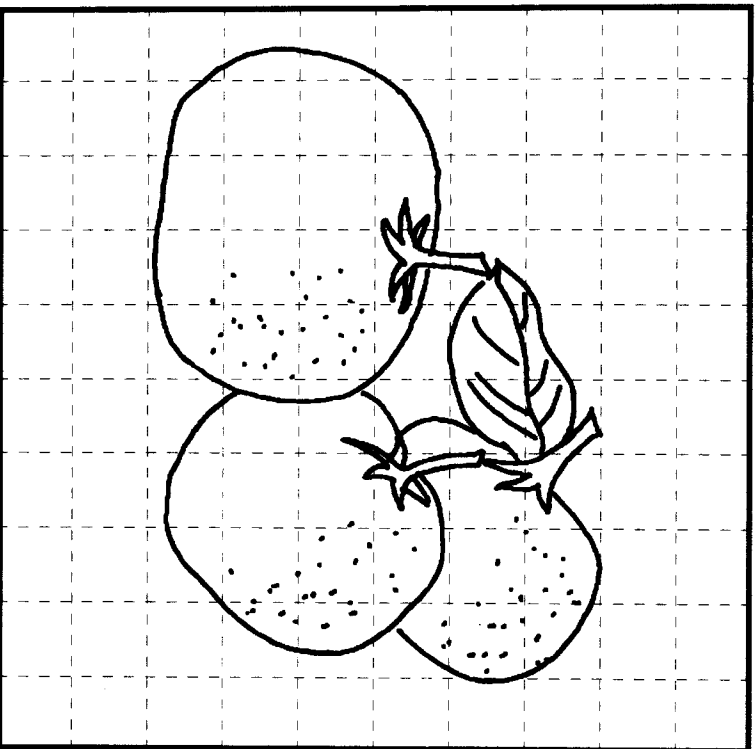
xìng xìng



peach peach peach

peach peach peach

桃	桃	桃	桃	táo	táo
桃	桃	桃	桃	táo	táo
桃	桃	桃	桃	táo	táo
桃	桃	桃	桃	táo	táo
桃	桃	桃	桃	táo	táo
桃	桃	桃	桃	táo	táo
桃	桃	桃	桃	táo	táo



orange orange orange

orange orange orange

橙 子 橙 子

chéng zi

橙 子 橙 子

chéng zi

橙 子 橙 子

chéng zi

橙 子 橙 子

chéng zi

橙 子 橙 子

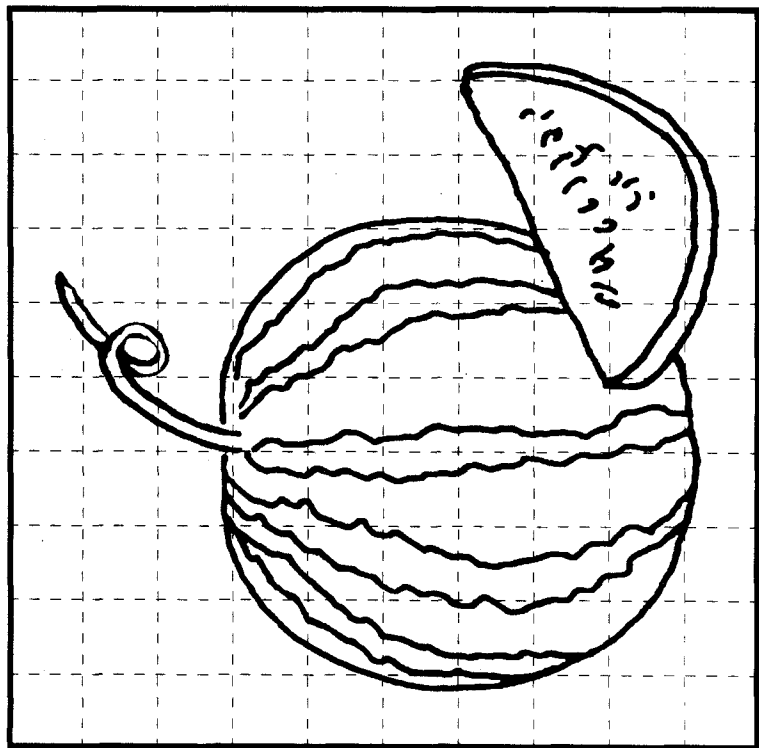
chéng zi

橙 子 橙 子

chéng zi

橙 子 橙 子

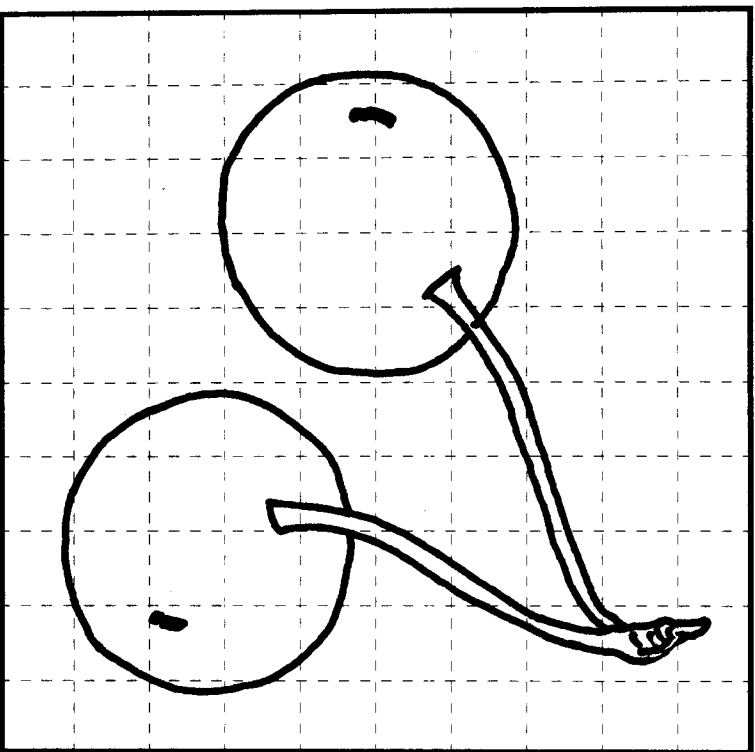
chéng zi



watermelon watermelon

watermelon watermelon

西瓜	西瓜	西瓜	xī guā
西瓜	西瓜	西瓜	xī guā
西瓜	西瓜	西瓜	xī guā
西瓜	西瓜	西瓜	xī guā
西瓜	西瓜	西瓜	xī guā
西瓜	西瓜	西瓜	xī guā
西瓜	西瓜	西瓜	xī guā



cherry cherry cherry

cherry cherry cherry

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

櫻

桃

櫻

桃

yīng

táo

